

Phong trào vận động yêu nước ở Nam kỳ đầu thế kỷ XX.
Patriotic movement in Cochinchina of the early 20th century
Nguyễn Thế Hồng*

*Trường Đại học Đồng Tháp
nthong@dthu.edu.vn

Ngày nhận bài:

05/7/2023

Ngày chấp nhận đăng:

01/8/2023

Keywords:

Cochinchina, Minh Tan movement, patriotic, early 20th century.

ABSTRACT

The trend of economic, social and ideological renewal was very active in the early 20th century in Viet Nam. In Cochinchina, the Minh Tan movement was launched by Tran Chanh Chieu and patriots. The content of the patriotic movement was very diverse: innovation in economy, agriculture, handicrafts and commerce; propagating educational, cultural and progressive bourgeois democratic ideas of the West; calling on people to renew their thinking and give up “bad habits”; support the Dong Du movement in terms of human resources and materials. This movement was born from the historical situation of Cochinchina and connection with the movement of Dong Du and Duy Tan at that time. The Minh Tan movement failed because it showed the patriotic spirit of the people of Cochinchina and the French colonial government banned it. The movement Minh Tan failed but was a lesson for the movement of national liberation in the early 20th century.

TÓM TẮT

Xu hướng canh tân kinh tế, xã hội và tư tưởng diễn ra sôi nổi ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX. Ở Nam Kỳ có phong trào Minh Tân do Trần Chánh Chiếu và các chí sĩ phát động. Nội dung vận động yêu nước của phong trào đa dạng: kêu gọi canh tân kinh tế về nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp; tuyên truyền nội dung giáo dục và văn hóa, tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ của phương Tây; kêu gọi người dân đổi mới tư duy, từ bỏ những “thói hư, tật xấu”; ủng hộ phong trào Đông Du về nhân lực và vật lực. Đây là phong trào ra đời xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử nội tại của Nam Kỳ và có mối liên hệ với phong trào Đông Du và Duy Tân đương thời. Phong trào Minh Tân thất bại do thể hiện được tinh thần yêu nước của người dân Nam Kỳ nên bị chính quyền thực dân Pháp cấm đoán. Phong trào thất bại để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho cuộc vận động yêu nước giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.

Từ khóa: Nam Kỳ, phong trào Minh Tân, yêu nước, đầu thế kỷ XX

1. Giới thiệu

Từ sau năm 1867, Nam Kỳ trở thành thuộc địa trực trị của thực dân Pháp. Nam Kỳ là vùng đất đầu tiên của Việt Nam chịu ảnh hưởng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN) từ phương Tây du nhập vào. Đây là điều kiện quan trọng cho sự ra đời

của phong trào Minh Tân đầu thế kỷ XX ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, trong một số bộ chính sử và chương trình giảng dạy cho học sinh, sinh viên hiện nay, phong trào Minh Tân được đề cập hạn chế. Nhiều công trình sử học Việt Nam chú trọng nghiên cứu, phân tích đánh giá những mặt hạn chế và đóng góp của phong

trào Đông Du (Phan Bội Châu), phong trào Duy Tân (Phan Chu Trinh). Một số nghiên cứu khẳng định phong trào Minh Tân ra đời chịu sự ảnh hưởng bởi các hoạt động của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, cụ thể như nghiên cứu của tác giả Nguyễn Khánh Toàn (1985), Nguyễn Thế Anh (2008), Sơn Nam (2015), Đoàn Minh Huân & Nguyễn Ngọc Hà (2017), Võ Văn Sen (2017). Về thời gian ra đời, có ý kiến khẳng định: phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ bắt đầu từ cuối năm 1904, biểu hiện trước hết là các bài báo cổ vũ minh tân đăng trên Nông cổ mín đàm (NCMD), Lục tỉnh tân văn (LTTV) của Trần Chánh Chiêu, Lương Khắc Ninh (Nguyễn Đình Thống, 2011). Bên cạnh đó, số ít công trình nghiên cứu của các tác giả với quan điểm phong trào Minh Tân ra đời xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử - xã hội vùng đất Nam Kỳ như nghiên cứu của Trần Văn Giàu & Trần Bạch Đằng (1998), Nguyễn Đức Hiệp (2018), Phạm Phúc Vĩnh (2019). Nội dung nghiên cứu của bài viết góp phần làm rõ những điều kiện lịch sử cho sự ra đời tự thân của phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ và phong trào có mối quan hệ với phong trào Đông Du và Duy Tân đương thời; phân tích một số nội dung tiêu biểu trong vận động yêu nước của phong trào Minh Tân và bài học kinh nghiệm từ phong trào yêu nước này. Qua đó, đề xuất cần phải nhận thức đúng vị trí và vai trò của phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX đối với lịch sử Việt Nam cận đại.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp lịch sử: mô tả những điều kiện của vùng đất Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cho sự ra đời của phong trào vận động yêu nước - phong trào Minh Tân; các hoạt động chính trị - xã hội nổi bật trong phạm vi của phong trào.

Phương pháp lô-gic: được sử dụng nhằm mục đích nghiên cứu, giải thích vì sao phong trào Minh Tân là phong trào ra đời tự thân ở Nam Kỳ và phong trào có mối liên hệ với phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ trong cùng khoảng thời gian; phân tích một số bài học kinh nghiệm từ

phong trào Minh Tân đối với cuộc vận động yêu nước ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Những tiền đề cho sự ra đời phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX

Thứ nhất, chế độ cai trị của thực dân Pháp ở thuộc địa Nam Kỳ

Về tổ chức hành chính: năm 1868, chính quyền thực dân Pháp chia Nam Kỳ thành 27 hạt thanh tra, đứng đầu mỗi hạt là Chánh tham biện (dưới quyền Thống đốc). Năm 1871 giảm còn 18 hạt; năm 1876 tăng lên 19 hạt và chia thành 4 khu vực hành chính (gồm có: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bassac), mỗi hạt có Hội đồng Quản hạt. Ngày 8/01/1877 Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh thành lập thành phố cấp I là Sài Gòn, ngày 20/10/1879 thành lập thành phố cấp II là Chợ Lớn. Năm 1882 thành lập thêm hạt Bạc Liêu. Năm 1895 lập thành phố tự trị Cap Saint Jacques. Năm 1899 toàn bộ các hạt ở Nam Kỳ đổi thành tỉnh với 20 tỉnh chia thành ba miền là miền Đông, miền Trung và miền Tây. Ngày 27/8/1904 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định về tổ chức bộ máy quản trị cấp xã ở Nam Kỳ. Như vậy, tổ chức bộ máy hành chính Nam Kỳ dưới thời Nguyễn đến đầu thế kỷ XX bị xóa bỏ hoàn toàn và được thay thế bằng mô hình nhà nước tư sản.

Chính sách về kinh tế và đầu tư cơ sở hạ tầng: ngày 23/10/1869 chính quyền thực dân Pháp cho thành lập Sở Địa bạ ở Nam Kỳ nhằm kiểm soát và quản lý đất đai khu vực này. Hệ thống đồn điền được hình thành ở Nam Kỳ, từ đó lực lượng công nhân đồn điền ra đời. Công nghiệp ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX trong tình trạng phiến diện và lạc hậu. Tuy nhiên để phục vụ cho Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất, chính quyền thực dân Pháp cho phép tư bản người Âu chuyên chở và đầu tư trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật vào Nam Kỳ. Từ đây hệ thống nhà máy, xí nghiệp, xưởng sản xuất tổ chức theo phương thức sản xuất TBCN lần lượt ra đời. Hoạt động thương nghiệp từ thập niên 60 thế kỷ XIX ở Nam Kỳ bắt đầu có sự hiện diện của các công ty tư bản

và tư sản nước ngoài theo chân thực dân Pháp vào. Hệ thống tài chính hiện đại ở Nam Kỳ ra đời, trong đó nổi bật là ngân hàng Đông Dương với vai trò chi phối hoạt động kinh tế, tiền tệ ở Liên bang Đông Dương. Hệ thống cơ sở hạ tầng dần được hình thành để phục vụ mục đích bình định quân sự và khai thác của thực dân Pháp: đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho (11/1883 - 7/1885); tuyến Sài Gòn - Hớn Quản - Lộc Ninh phục vụ cho khai thác đồn điền cao su ở miền Đông. Từ năm 1890 - 1900, ở Nam Kỳ thể tích đất vét hàng năm trung bình 824.000 m³, tăng lên 7.233.000 m³ giai đoạn 1920 - 1930, chiều dài của hệ thống kênh chính đào được 1.300 km, kênh phụ là 2.500 km (Nguyễn Thế Anh, 2008, tr.166). Hệ thống thông tin liên lạc như đường dây điện tín đầu tiên thiết lập ở Sài Gòn vào năm 1861, năm 1894 thiết lập hệ thống điện thoại. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh và cai trị như: công trình xây dựng, cống rãnh, xử lý rác và vệ sinh, cây xanh và công viên, cấp nước, đèn đường đô thị. Góp phần thúc đẩy quá trình hình thành những đô thị kiểu mới và phương thức tổ chức đời sống đô thị hiện đại ở Nam Kỳ.

Chính sách cai trị về xã hội và giáo dục ở Nam Kỳ: Chính quyền thực dân Pháp chia cư dân ở thuộc địa Nam Kỳ thành ba dạng là công dân Pháp, dân bản xứ và dân ngoại quốc. Một số ít có mối quan hệ cộng sinh lợi ích với thực dân Pháp và tư sản nước ngoài về kinh tế và chính trị. Phần lớn là dân bản xứ bị cai trị như nông dân, thợ thủ công, tiểu tư sản, công nhân. Thực dân Pháp tiến hành đàn áp và cai trị người bản xứ bằng các biện pháp chính là quân sự, chính trị, văn hóa nhằm tạo ảnh hưởng lâu dài ở thuộc địa Nam Kỳ. Về văn hóa, giáo dục, thực dân Pháp chú trọng tập trung vào các hoạt động chủ yếu là truyền bá các giá trị tiến bộ theo văn minh phương Tây nhằm chế ngự dần, sau đó loại bỏ chữ Hán và nội dung Nho học; đào tạo trí thức Tây học từ các trường trung học, trường kỹ thuật, trường nghề ở Sài Gòn, Huế, Hà Nội; cổ súy tư tưởng thân Pháp, ban quyền lợi cho người Việt có

tinh thần chống lại phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân.

Thứ hai, sự du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào Nam Kỳ

Từ những năm 60 thế kỷ XIX cơ cấu ngành kinh tế Nam Kỳ trở nên đa dạng như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tín dụng, giao thông vận tải. Để khai thác và cai trị Nam Kỳ, thực dân Pháp tổ chức đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó chú trọng hệ thống giao thông vận tải thủy (cảng sông, cảng biển, nạo vét kinh cũ và đào kinh mới), giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không. Trong nông nghiệp, chính quyền thực dân Pháp cho phép tư bản Pháp, địa chủ người Việt thành lập đồn điền ở miền Đông, miền Tây và tiến hành tổ chức sản xuất theo phương thức TBCN. Các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến như xay xát lúa gạo, xà phòng, đóng tàu, dệt, in, v.v, hoạt động nhộn nhịp ở khu vực Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, Cần Thơ. Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm cho kết cấu ngành kinh tế ở Nam Kỳ bị phá vỡ đi kèm theo đó là sự xuất hiện của các thành phần kinh tế mới TBCN. Bên cạnh đó, các hoạt động thương mại của người Hoa, người Ấn góp phần quan trọng vào sự biến đổi kinh tế Nam Kỳ. Tư bản Pháp, tư sản người Hoa, tư sản người Ấn cùng nhau nắm giữ và chi phối nền thương mại Nam Kỳ từ hoạt động xuất nhập khẩu đến tài chính ngân hàng. Các hoạt động kinh doanh của tư sản nước ngoài trở thành hình mẫu để người bản xứ ở Nam Kỳ học tập và làm theo. Từ đó, một bộ phận người bản xứ muốn tiến hành các hoạt động tranh thương nhằm giành lại thương cuộc từ tay tư sản người ngoài ngay trên quê hương mình.

Thứ ba, những ảnh hưởng từ giáo dục và báo chí phương Tây ở Nam Kỳ

Năm 1874, chính quyền thực dân Pháp ban hành Quy chế về giáo dục về chương trình giáo dục Pháp - Việt để áp dụng trong các trường học ở Nam Kỳ với hai bậc: tiểu học và trung học. Ngày 17/3/1879, Nghị định thành

lập Sở học chính Nam Kỳ và chương trình giáo dục Pháp - Việt được ban hành. Nghị định ngày 14/6/1880 thiết lập ở mỗi làng, xã trường dạy chữ Quốc ngữ. Chính quyền thực dân Pháp còn chú trọng mở các trường để đào tạo thông ngôn phục vụ việc thông dịch, phiên dịch để cai trị người bản xứ: năm 1861 thành lập trường Collège d'Adran; năm 1862 thành lập trường Thông ngôn (Collège des interprètes); năm 1871 thành lập trường Sư phạm thuộc địa (École Normale Coloniale) để đào tạo giáo viên và công chức; năm 1873 thành lập trường Hậu bổ (Collège des Stagiaires) để đào tạo nhân viên hành chính; năm 1874 thành lập trường trung học Chasseloup Laubat, dạy học cho con em người Pháp sinh sống ở Nam Kỳ, con em viên chức làm việc cho Pháp và con em một số gia đình người Việt.

Báo chí là phương tiện quan trọng để các giá trị tư tưởng dân chủ tư sản từ phương Tây tuyên truyền và truyền bá vào Nam Kỳ. Báo chí ở Nam Kỳ xuất bản đầu tiên là bằng chữ Pháp. Về sau, báo chí xuất bản bằng chữ Quốc ngữ dần trở nên phổ biến. Ngày 25/5/1881, chính quyền thực dân Pháp ban hành Sắc lệnh quy định bắt buộc người bản xứ học chữ Quốc ngữ. Xét về mặt tích cực: *“Chữ Quốc ngữ có thể nâng cao dân trí nhanh chóng, phục vụ được việc cứu nước”* (Đỗ Quang Hưng, 2000, tr.207). Chế độ báo chí ở Nam Kỳ được phép hoạt động hợp pháp theo Luật báo chí của chính quyền thực dân Pháp (Luật Báo chí 29/7/1881) vì thế các giá trị tư tưởng dân chủ và yêu nước có điều kiện lan tỏa trong xã hội. Do vậy khi phong trào Minh Tân ra đời, các chí sĩ xem báo chí là phương tiện quan trọng nhất để kêu gọi và phổ biến tinh thần tranh thương; kêu gọi người bản xứ xây dựng lối văn mới và coi trọng giáo dục thực nghiệm. Một số tờ báo ra đời ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như Gia Định báo (năm 1865), Nhật Trình Nam Kỳ (năm 1883), Phan Yên báo (năm 1898), NCMĐ (ngày 1/8/1901), LTTV (năm 1907).

Thứ tư, đội ngũ trí thức mới ra đời ở Nam Kỳ

Trí thức mới, cụ thể là lực lượng trí thức Tây học ở Nam Kỳ hình thành từ nhiều nguồn khác nhau. Trước hết, họ ra đời từ hệ thống giáo dục thuộc địa. Hoàn thành chiếm Lục tỉnh, thực dân Pháp tiến hành bỏ kỳ thi Hương, sau đó tiến hành thành lập trường học với mục đích đào tạo ra đội ngũ thừa hành, phục vụ cho mục tiêu cai trị và khai thác thuộc địa. Tiếp theo, thành phần có điều kiện đi Pháp học tập (bộ phận này xuất thân từ gia đình có kinh tế khá giả như đại địa chủ, tư sản). Bên cạnh đó, bộ phận xuất thân từ gia đình sĩ phu tiếp cận hệ thống kiến thức từ bên ngoài du nhập vào (có người tham gia học trường do thực dân tổ chức, có người tự học) để dần thân vào con đường canh tân. Nam Kỳ có những trí thức mới xuất thân đa dạng như Trần Chánh Chiếu, Lương Khắc Ninh, Đặng Thúc Liêng, Nguyễn An Khương, v.v. Họ là lớp trí thức mới đầu tiên ở Nam Kỳ sớm tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản tiên bộ, một số tham gia vào bộ máy cai trị của chính quyền thuộc địa Pháp. Lực lượng trí thức mới có những nhận thức rõ về sức mạnh của nền khoa học kỹ thuật, quân sự phương Tây. Đồng thời, họ nhận thức được âm mưu, thủ đoạn trong chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với dân tộc và nhận thức được sự yếu kém của kinh tế đất nước. Từ đó lực lượng trí thức mới giác ngộ và tích cực tham gia vào cuộc vận động cứu nước, trở thành lực lượng có vai trò quan trọng trong phong trào dân tộc, dân chủ những thập niên đầu thế kỷ XX.

3.2. Cuộc vận động yêu nước ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX qua phong trào Minh Tân

3.2.1 Tuyên truyền về cách thức tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh theo phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

Phê phán tư duy hạn chế và nguyên nhân hoạt động kinh tế người Việt không bằng tư sản nước ngoài ở Nam Kỳ

Nhiều bài viết đăng trên NCMĐ tập trung phê phán người bản xứ có thói nghi kỵ và hơn thua lẫn nhau: *“Bởi vì lượng hẹp và*

tánh khắc ai ai cũng đều muốn một mình hơn mà thôi” (NCMĐ, 10/10/1901, tr.1-2). Phê phán thói quen chỉ tiêu không có tính toán cận kề vì “*Khi có dư tiền bạc, người mua ruộng, kẻ sắm phố*” (NCMĐ, 16/1/1902, tr.1). Thực tế rằng: “*Người mình làm vô thì ít mua ra thì nhiều, ở không thì đông, làm ăn thì ít vì vậy nên khôn ngày một thêm, nghèo một ngày một đến*” (NCMĐ, 21/8/1902, tr.1-2). Người bản xứ không chuộng hoạt động kinh doanh chỉ chú trọng nghề chính là nông nghiệp: “*Mình đi buôn riêng một mình, không biết vật chi để buôn mà mau lời... chỉ cho bằng mình kiếm coi ai có bán ruộng tốt mình mua một miếng nhỏ nhỏ, tùy theo bạc của mình có đở*” (NCMĐ, 16/1/1902, tr.2). Tư sản Hoa kiều rất thành công trong hoạt động thương mại ở Việt Nam, qua đó các chí sĩ Minh Tân đặt vấn đề cho người Việt tự suy ngẫm: Vì sao tư sản Hoa kiều ở nước ta trở nên giàu có khi họ tham gia hoạt động kinh doanh. Chí sĩ Lương Khắc Ninh đăng nhiều bài viết trên NCMĐ với mục đích khuyến khích người bản xứ chú trọng hoạt động thương nghiệp. Ông nêu trường hợp của nước Nhật, Xiêm, Trung Quốc khi tiến hành canh tân kinh tế đều phải học tập khoa học kỹ thuật từ phương Tây. Thực trạng là đầu thế kỷ XX ở Nam Kỳ không có các tổ chức thương hội nghề nghiệp do người bản xứ lập ra để hỗ trợ và giúp nhau tranh thương. Nguyên nhân do người Việt thiếu tin tưởng lẫn nhau: “*Những người có tiền đều tính riêng lo riêng, người sắm phố, kẻ mua điền, người cho vay, kẻ chọn giàu, thì xét kỹ cũng chẳng phải có lợi chi nhiều, bị hao bớt tiêu mòn*” (NCMĐ, 9/1/1902, tr.2). Chính sự ganh tỵ, đối trá của người bản xứ làm cho: “*Chúng ta sanh ra ở nơi có thiên thời, địa lợi nhưng thiếu nhơn hòa*” (NCMĐ, 18/9/1902, tr.1). Do đó, “*Tuy đông người mà ít sức, tuy nhiều mặt mà kém lòng*” (NCMĐ, 3/9/1903, tr.1).

Hướng dẫn cách thức và hợp tác kinh doanh có hiệu quả cho người Việt

Trước hết, các chí sĩ Minh Tân kêu gọi: “*Mỗi hăng lớn buôn to, thì phải nhiều người hùn hiệp mới mạnh, nếu làm một mình thì*

bất tiện nhiều bề” (NCMĐ, 1/10/1903, tr.1). Qua đó, hướng dẫn người bản xứ nên tham gia một số nghề phù hợp thực lực kinh tế của họ. Chẳng hạn hướng dẫn góp vốn kinh doanh bằng hình thức lập tiệm cầm đồ: “*Mỗi người một phần hùn là một trăm, trong một hạn tham biện kím cho ít hết sức cũng đặng một ngàn hùn, cộng lại thì là một trăm ngàn bạc, lập ra một tiệm cầm đồ trong năm đầu*” (NCMĐ, 26/12/1901, tr.2). Lời khuyên dành cho người bản xứ khi bắt đầu tiếp cận hoạt động kinh doanh: “*Nếu anh em lớn nhỏ đồng lòng hiệp ý tập rèn việc buôn, thì có một ngày kia người nước chúng ta phải thuộc cách buôn lớn*” (NCMĐ, 10/7/1902, tr.1). Các chí sĩ Minh Tân đưa ra gợi ý cho người bản xứ khi bắt đầu tham gia kinh doanh thì chỉ cần lập cơ sở kinh tài nhỏ để tích lũy vốn và kinh nghiệm. Khi có đủ vốn và kinh nghiệm sẽ tiến hành mở rộng hoạt động kinh doanh “*Nếu thành sự thì có phần lợi riêng của công ty dự định, mà bồi công cực nhọc, sáng tạo hữu lao (...) lập thương cuộc này*” (NCMĐ, 2/6/1904, tr.1-2). Khi phát động tranh thương thì chí sĩ Minh Tân khuyên người bản xứ muốn thành công phải biết coi trọng chữ tín và học tập cách xử lý tình huống trong kinh doanh. Nhiều bài viết đăng trên báo chí để hướng dẫn người bản xứ cách thức góp vốn kinh doanh và đề tạo lòng tin lẫn nhau phải có điều lệ quy định rõ ràng: “*Trong giấy làm những điều lệ (...) hễ ký tên chịu lãnh phần, đến lúc nhà buôn lập ra rồi thì phải đóng bạc, nói không chịu hùn không đặng, điều đại sự chẳng phải là chơi*” (NCMĐ, 24/7/1902, tr.2). Ngoài ra, các chí sĩ Minh Tân còn kêu gọi người bản xứ tham gia học nghề, học tính toán để kinh doanh không bị thiệt thòi. Xứ Nam Kỳ là vùng đất trù phú, vì vậy chí sĩ Minh Tân kêu gọi người bản xứ bắt đầu kinh doanh từ những sản vật của địa phương: “*Thứ nhất là lúa gạo cho thương. Thứ nhì là việc tơ tằm phải hiểu. Thứ ba cách vải bông còn thiếu. Thứ tư là đường mía ít làm. Bốn nghề này ráng sức cho ham*” (NCMĐ, 23/4/1903, tr.2).

Khi Trần Chánh Chiếu tiếp nhận chủ bút

tờ NCMĐ thì ông tiếp tục duyệt đăng nhiều bài viết để cổ vũ tinh thần tranh thương cho người bản xứ. Bản thân Trần Chánh Chiêu có nhiều bài viết tuyên truyền tư tưởng canh tân. Bài Duy Tân công ty thuật lại chuyên đi Trung Quốc của Trần Chánh Chiêu, ông chứng kiến: “*Người thì ngồi trong phố rộng dẹt bố to, làm pha ly, làm lược, làm cà rá, hoa tai, kẻ lo đóng giày, làm hia, làm mũ, làm kiếng, làm đèn, làm gương, làm thùng, làm đủ thứ vật dụng đặng gửi qua Nam Việt mà bán cho người mình mua*” (Sơn Nam, 2015, tr.236). Ông nhận thấy ở Trung Quốc mỗi người mỗi việc, chẳng hạn như “*Các nhà đại thương thì lại rao truyền trong nhật báo, in hiệu thị, cáo thị mà rải khắp, cùng dân tứ phương*” (Sơn Nam, 2015, tr.237). Từ đó, Trần Chánh Chiêu kêu gọi người Việt đồng tâm hiệp lực, góp vốn tham gia sản xuất, kinh doanh: “*Tôi muốn mở cuộc Tác tân dân, lập 20.000 phần hùn, mỗi hùn 5 đồng mà thôi, chẳng phải là nhiều. Có lẽ nào trong mỗi hạt mà không được 1.000 phần hùn sao?*” (Sơn Nam, 2015, tr.238). Số ra đầu tiên của LTTV (1907) có bài viết “Hiệp bôn tranh lợi”, trong đó kêu gọi: “*Bây giờ người Việt mỗi Tổng, Tỉnh, kẻ làm dân mà hương chức họp lại kêu gọi hùn, người giàu thì nhiều, người nghèo thì ít, kêu gọi cả những người chèo ghe mướn, đánh xe*” (Nguyễn Văn Trung, 2015, tr.428). Qua các bài viết, Trần Chánh Chiêu nêu ra những thói xấu của người bản xứ như: không biết giữ chữ tín và khẳng định bất tín lớn nhất trong kinh doanh là dối trá. Người bản xứ “*Có 6 tật xấu chính: bảo thủ, kiêu ngạo, tham lam, nghi ngờ, khoe nịnh, dị đoan*” (Nguyễn Văn Trung, 2015, tr.429).

Như vậy, ngoài nguyên nhân người Việt không có truyền thống kinh doanh thì những “thói hư, tật xấu” như tiêu xài hoang phí, nghi kỵ lẫn nhau, không có chữ tín đã cản trở hoạt động tranh thương của họ từ đầu thế kỷ XX. Thông qua báo chí, các chí sĩ Minh Tân tạo thành diễn đàn kêu gọi họ tham gia chấn hưng kinh tế. Bằng nhiều bài viết các chí sĩ Minh Tân tác động đến lòng tự tôn dân tộc của người bản xứ, phân tích những lợi ích khi

tham gia kinh doanh và sự cần thiết phải học tập khoa học kỹ thuật của phương Tây, văn hóa kinh doanh của người Âu, người Hoa.

3.2.2. Phong trào Minh Tân tiến hành vận động thay đổi tư duy mới về giáo dục và phổ biến các giá trị tư tưởng tiến bộ đương thời

Đầu thế kỷ XX chính quyền thực dân Pháp đưa hệ thống giáo dục mới từ phương Tây vào Việt Nam. Năm 1906 chính quyền thực dân Pháp tiến hành cải cách giáo dục lần thứ nhất ở Việt Nam. Mục đích của thực dân Pháp là đào tạo đội ngũ người bản xứ giúp việc cho chính quyền nhưng góp phần làm thay đổi sâu sắc nền giáo dục Việt Nam đương thời. Nền giáo dục ở Nam Kỳ cho ra đời lực lượng trí thức mới - trí thức Tây học. Một bộ phận học chữ Pháp, văn hóa Pháp và làm việc cho Pháp, theo chân thực dân Pháp chống lại phong trào cách mạng Việt Nam. Bên cạnh đó là một bộ phận có tinh thần dân tộc “*Điều đặc biệt là mặc dù được đào tạo trong các trường học của Pháp, chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp, nhưng tầng lớp trí thức Tân học ở Nam Kỳ lại có một nền tảng giáo dục truyền thống rất vững chắc (...). Trừ một số cam tâm làm tay sai cho Pháp, còn phần lớn trí thức ở Nam Kỳ có lòng yêu nước và gắn bó với các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân*” (Ngô Minh Oanh, 2011, tr.21 – 22).

Thông qua báo chí, các chí sĩ Minh Tân kêu gọi người bản xứ thay đổi cách học, nội dung học để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Góp phần xóa bỏ nội dung giáo dục không hợp thời đại của Nho giáo và tư tưởng “Học để làm quan”. Ngoài việc tuyên truyền về nội dung giáo dục mới, phong trào Minh Tân còn ra sức vận động người dân Nam Kỳ ủng hộ và tham gia phong trào Đông Du của Phan Bội Châu. Khi phong trào Đông Du phát động, người dân Nam Kỳ nói riêng và “*Nho sĩ Việt Nam thấy rằng con đường duy nhất để đánh đuổi thực dân Pháp là tự cường theo gương nước Nhật. Bên Trung Hoa, nhiều vị thức giả đã bắt đầu cuộc vận động Duy Tân ngay từ sau trận nha phiến chiến tranh. Họ*

thấy rằng bề quan tòa cảng là thất sách” (Sơn Nam, 2015, tr.14). Khi phong trào Đông Du thất bại, các chí sĩ Minh Tân vận động người dân Nam Kỳ có điều kiện cho con em đi du học phương Tây. Tuy nhiên hoạt động Tây du yếu hơn so với cuộc vận động canh tân kinh tế và ủng hộ Đông Du.

Các chí sĩ của phong trào Minh Tân tiến hành tuyên truyền và phổ biến chữ Quốc ngữ. Ngày 25/5/1881, thực dân ban hành Sắc lệnh quy định dân bản xứ bắt buộc phải học ngôn ngữ do Pháp du nhập vào. Điều đó không hoàn toàn theo ý muốn của chính quyền thực dân Pháp, các chí sĩ Minh Tân nhận thức rõ: *“Nếu như người Pháp đã biết dùng nó để phục vụ cho việc cai trị của họ, tại sao người Việt lại không biết dùng nó để chống lại sự cai trị?”* (Hoàng Xuân Việt, 2007, tr.383). Chữ Quốc ngữ được trí thức người Việt ở Nam Kỳ phổ biến qua báo chí, sách với nhiều nội dung nổi bật. Năm 1901 tờ NCMĐ ra đời, tham gia quản lý và cộng tác có Trần Chánh Chiếu, Nguyễn Thành Hiến, Lê Quang Chiêu, Trần Quan Văn. Năm 1907 LTTV xuất bản với chủ bút là Trần Chánh Chiếu đăng tải nhiều nội dung kêu gọi tranh thương, truyền bá tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ, gián tiếp lên án chính sách cai trị của thực dân Pháp.

Nội dung của tư tưởng Nho giáo truyền thống là hạn chế các giá trị dân chủ khi quy định hoạt động xã hội của con người phải theo khuôn phép “mệnh Trời”. Tiếp thu các giá trị dân chủ tư sản tiến bộ từ nhiều nguồn khác nhau, chí sĩ Minh Tân kêu gọi người bản xứ xóa bỏ tư tưởng lạc hậu ràng buộc về sự phát triển cá nhân và tiến bộ xã hội. Điển hình là tư tưởng Nho giáo là ít coi trọng vị trí và vai trò của phụ nữ. Trong cơ sở kinh tài của phong trào Minh Tân khi đề xuất dạy nghề cho người bản xứ không phân biệt nam và nữ: *“Con gái nhà nghèo thì hoặc tầm tơ bông bả, thêu tiểu và may, hễ khi rảnh việc thì phải đi học. Đến như con gái nhà giàu, đờn bà tuổi trẻ nhiều khi thông thả chơi bời, ắt thêm ra nhiều điều có hại. Cho nên phải dạy cho họ biết học thì hơn, chớ để đờn bà mà chịu dốt ấy là cái lỗi*

đờn ông đó vậy” (Trần Thị Nhung, 2011, tr.106). Dù số lượng không nhiều nhưng khi phong trào Minh Tân diễn ra có sự tham gia của nữ giới như Nguyễn Thị Xuyên (tham gia Đông Du), Nguyễn Thị Xuyên (tham gia quản lý Chiêu Nam Lầu).

3.2.3. Phong trào Minh Tân vận động ủng hộ phong trào Đông Du

Về nhân lực. Khi phong trào Đông Du do Phan Bội Châu phát động, người Việt ở Nam Kỳ ủng hộ kinh phí, vận động thanh niên và đưa cả con cháu của họ khi còn ở độ tuổi thiếu niên tham gia. Một số trường hợp điển hình như: ở Vĩnh Long có Trần Văn An (10 tuổi); Trần Văn Định xuất dương cùng 2 con trai là Trần Văn An và Trần Văn Thư năm 1907; Hoàng Vĩ Hùng (13 tuổi); Lý Liễu (15 tuổi); ông Nguyễn Thần Hiến gửi con trai Nguyễn Như Bích tham gia Đông Du. Nam Kỳ không phải là nơi phong trào Đông Du khởi phát nhưng là nơi có sự đóng góp lớn về nhân lực. Từ tháng 3 đến tháng 6/1907 ở miền Tây Nam Kỳ có hơn 30 thanh thiếu niên xuất dương. Tính chung đến năm 1908 trong hơn 200 du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản thì có hơn 100 học sinh đến từ Nam Kỳ (Sơn Nam, 2015, tr.44).

Về vật lực. Trần Chánh Chiếu thông qua Hội Minh Tân kêu gọi người dân Nam Kỳ lập nhiều cơ sở kinh tài tranh thương và từ đó trích một phần lợi nhuận để ủng hộ phong trào Đông Du của Phan Bội Châu. Cơ sở kinh tài Chiêu Nam Lầu của Nguyễn An Khương đón tiếp nhiều chí sĩ, thanh niên yêu nước dừng chân trước khi xuất dương thực hiện Đông Du. Ở Cần Thơ có “Quỹ Khuyến Du học hội” do Nguyễn Thần Hiến lập ra (năm 1907) với sự tham gia của Nguyễn An Khương, Trần Chánh Chiếu, Đặng Thúc Liêng, Hoàng Hưng, Lý Diêu, Lưu Quang Bật, Lê Văn Sao, Đỗ Văn Y, Nguyễn Truyện. Mục đích của Hội là vận động góp tiền vào quỹ du học sinh để phong trào Đông Du trên đất Nhật được diễn ra thuận lợi. Hưởng ứng sự kêu gọi ủng hộ phong trào, có khoảng 15 tổ chức kinh tài từ Sài Gòn, Biên Hòa đến Rạch Giá đóng

góp kinh phí. Một số người bản xứ trích lợi nhuận từ cơ sở kinh tài của mình để ủng hộ như: Hoàng Công Đán (Vĩnh Long), Nguyễn Thần Hiến (Hà Tiên), Lâm Bình và con trai Lâm Cầm (Vĩnh Long), Lâm Tỷ (Vĩnh Long). Ông Phan Văn Tòng (Vĩnh Long) tổ chức hoạt động tàu dò ở Vĩnh Thuận, Vĩnh Bảo, Vĩnh Nguyên, khai thác tuyến chày Vĩnh Long, Mỹ Tho, Cần Thơ, Nam Vang. Ngoài mục đích để đưa rước những người tham gia hoạt động thì nguồn thu đóng góp vào quỹ cho Đông Du. Phong trào Đông Du diễn ra khá sôi nổi trên phạm vi cả nước và đất Nhật được gần 4 năm thì thất bại. Nguyên nhân chính là do sự cấu kết của chính quyền thực dân Pháp với chính quyền Nhật lúc bấy giờ. Trong Điện tín (Số 672 ngày 6/4/1909) chính quyền Pháp đặt lệnh: “*Các du học sinh An Nam ở Nhật Bản có thời hạn 6 tháng để quay về nước mà không gặp nguy cơ bị làm phiền*” (Chương Thâu & Phan Văn Diên, 2019, tr.39). Phong trào Đông Du có ý nghĩa là giúp cho người bản xứ biết cách tiếp cận tư tưởng, giáo dục mới và để giải phóng dân tộc phải biết kết hợp nội lực - ngoại lực với nhau.

Cùng thời gian của phong trào Đông Du, có phong trào Duy Tân. Phong trào Duy Tân do Phan Chu Trinh phát động diễn ra mạnh mẽ ở khu vực Trung Kỳ với nhiều cơ sở hợp thương ra đời nhằm thể hiện ý tưởng gắn kết kinh tế - giáo dục - văn hóa. Một số cơ sở kinh tài của phong trào như Quảng Nam hiệp thương công ty (Quảng Nam), Triệu Dương thương quán (Nghệ An), Công ty Liên Thành (Phan Thiết). Trong hoàn cảnh lịch sử của đất nước, các phong trào Duy Tân ở ba kỳ đều có sự ảnh hưởng, tác động và liên hệ lẫn nhau. Hòa cùng không khí Duy Tân trên phạm vi cả nước, phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ cũng tiến hành thực hiện những nhiệm vụ tương tự. Thông qua báo chí đương thời, chí sĩ của phong trào Minh Tân đăng nhiều bài viết với các nội dung chính yếu:

Khai dân trí: kêu gọi bỏ lối học giáo điều với nội dung đào tạo con người để cai trị xã hội; phải mở trường dạy học và khuyến

khích học chữ Quốc ngữ; kiến thức khoa học thực dụng, đó là tiếp thu học thuật phương Tây; bài trừ hủ tục, đó là lên án thói hư tật xấu của người Việt trong hoạt động kinh tế, xã hội.

Chấn dân khí: kêu gọi người bản xứ phải biết tự lực tự cường, ý thức được quyền lợi của bản thân, phát huy tiềm lực kinh tế, nhân lực vốn có ở Nam Kỳ.

Hậu dân sinh: hướng đến phát triển kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, sản xuất hàng hóa nhằm làm cho đời sống của người dân được đầy đủ.

3.3. Bài học từ cuộc vận động phong trào yêu nước ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX

Cuộc vận động cải cách kinh tế, văn hóa và giáo dục do Lương Khắc Ninh khởi xướng trên báo NCMĐ qua 5 năm (1901 -1905) chưa tạo thành phong trào xã hội mạnh mẽ ở Nam Kỳ. Khi Trần Chánh Chiếu làm chủ bút tờ NCMĐ (1906 - 1908) và LTTV (1907 - 1908) thì ông phát triển những tư tưởng canh tân trước đó tạo nên sự bùng nổ cho phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ thời gian từ 1906 đến 1908. Năm 1908 phong trào Minh Tân kết thúc do sự trấn áp của chính quyền thực dân bởi tính chất dân tộc của phong trào đi ngược lại lợi ích của thực dân Pháp. Phong trào thất bại để lại nhiều bài học quý báu cho hoạt động yêu nước của người Việt đương thời:

Bài học về phát huy tiềm lực của các giai tầng trong xã hội. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của phong trào Minh Tân là chưa khai thác tiềm lực của từng giai cấp và tầng lớp trong xã hội. Khi chí sĩ phong trào Minh Tân kêu gọi chấn hưng kinh tế chủ yếu hướng vào đối tượng có tài sản nhưng xã hội Nam Kỳ đa phần là nông dân. Như vậy, phong trào thất bại do thiếu cơ sở xã hội sâu rộng trong quần chúng nhân dân.

Bài học khai thác và phát huy nội lực quốc gia. Thực dân Pháp đánh giá xứ Nam Kỳ là thuộc địa khai thác quan trọng ở Đông Dương vì nơi đây có lợi thế về kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp. Cả Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đều chú ý đến việc khai thác

tiềm lực ở Nam Kỳ để phục vụ cho hoạt động của phong trào Đông Du, Duy Tân. Khi phát động phong trào tranh thương trên báo chí, chí sĩ Minh Tân nhấn mạnh người bản xứ không cần phải tìm nguồn lực ở đâu xa mà chính đất Nam Kỳ đã hội tụ đủ các yếu tố về kinh tế và con người. Các số báo của NCMĐ, LTTV đăng nhiều nội dung phê phán sự lãng phí của người Việt không biết khai thác lợi thế xứ Nam Kỳ cho phục vụ công cuộc chấn hưng đất nước.

Bài học về sự đổi mới tư duy. Đầu thế kỷ XX, xu hướng canh tân đất nước trở thành một xu thế yêu nước được đề xuất bởi các sĩ phu tiến bộ, trí thức Tây học. Phong trào Minh Tân góp phần đổi mới về tư duy yêu nước của người Việt đương thời. Đó là từ tư duy yêu nước truyền thống bạo động cầm vũ khí khởi nghĩa để khôi phục độc lập dân tộc chuyển sang tư duy cải cách, đổi mới, đề cao việc cầu học tiến bộ. Yêu nước không phải luôn luôn bài trừ những tiến bộ khoa học kỹ thuật, văn minh phương Tây mà phải tiếp thu một cách có chọn lọc để chấn hưng kinh tế thành công. Từ đó, tạo đủ tiềm lực để cả dân tộc đồng lòng đánh đuổi ngoại xâm.

Bài học về lý thuyết đi đôi với thực hành và tinh thần nêu gương. Khoảng thời gian 1901 – 1905 là giai đoạn phong trào Minh Tân chú trọng phát động tư tưởng canh tân kinh tế trên báo chí nhưng chưa nhận được sự hưởng ứng của xã hội. Để tạo lòng tin và sự ủng hộ của xã hội, chí sĩ Minh Tân đã làm gương trong các hoạt động thực nghiệp như thương nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp. Về kinh doanh, nhiều cơ sở kinh tài ra đời như Chiêu Nam Lầu, Minh Tân khách sạn, Nam Trung khách sạn. Về thủ công nghiệp, tiến hành thành lập Nam Kỳ Minh Tân công nghệ để tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có và sức lao động của người dân Nam Kỳ. Năm 1908, các công ty mua lúa ở Mỹ Tho được thành lập như Minh Tân Túc Mễ Tổng cuộc, Nam Kỳ thương cuộc. Trong phổ biến tư tưởng tiến bộ, văn hóa và nội dung giáo dục mới, họ tiến hành cụ thể hóa từ lý thuyết đến thực hành.

Bài học chấp nhận sự phê phán về những hạn chế. NCMĐ, LTTV ra đời, một trong những nội dung nổi bật của các tờ báo là nêu ra những hạn chế, thói hư, tật xấu của người Việt. Để canh tân đất nước thành công, trước hết tư duy nhận thức phải thay đổi, phải chấp nhận khó khăn, biết tiếp thu và học hỏi cái mới, cái tiến bộ đương thời. Bản tính của người Việt là không biết lo xa và dễ thỏa mãn tạo nên thói quen hạn hẹp trong suy nghĩ và chấp nhận cuộc sống hiện tại. Mục tiêu cao nhất mà các sĩ phu tiến bộ, trí thức Tây học, tư sản người Việt ở Nam Kỳ đặt ra là giành quyền tự quyết cho dân tộc nhưng chưa thành công. Tuy nhiên, phong trào Minh Tân “*Đã gây được niềm tin cho dân Việt: giữ vững lập trường dân tộc, khai phóng, không bài ngoại. Bằng những việc làm cụ thể, họ đã tích cực xây dựng một nền văn hóa dân tộc, làm nền tảng cho con cháu sau này phát triển thêm*” (Sơn Nam, 2015, tr.55).

4. Kết luận

Như vậy, đầu thế kỷ XX ở Nam Kỳ hoạt động tuyên truyền và phổ biến các giá trị dân chủ tư sản tiến bộ sôi nổi nhất là phong trào Minh Tân. Đây không phải là phong trào mang tính tự phát mà ra đời từ yêu cầu thực tiễn của lịch sử Nam Kỳ đương thời. Đặc điểm của phong trào Minh Tân là chuyển tinh thần yêu nước từ trực tiếp đấu tranh vũ trang chống kẻ thù sang ôn hòa bằng các hoạt động canh tân kinh tế, tuyên truyền tư tưởng và nội dung giáo dục tiến bộ. Trong phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ vai trò của cá nhân là nổi bật. Đó là các trí thức Tây học, địa chủ mới người Việt đi đầu phát động phong trào canh tân kinh tế, cải cách chính trị - xã hội. Những cá nhân được xem là linh hồn từ khi phong trào Minh Tân bắt đầu khởi xướng đến khi kết thúc như Lương Khắc Ninh, Trần Chánh Chiếu, Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn An Khương, Nguyễn Thần Hiến, v.v. Sự đóng góp sức người, sức của từ người Nam Kỳ cho phong trào Duy Tân ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ là điều không thể phủ nhận. Trong tiến trình lịch sử Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX thì phong trào Minh

Tân ở Nam Kỳ được nhận thức khá mờ nhạt. Phần lớn các nghiên cứu và giảng dạy lịch sử dân tộc trong giai đoạn này chú trọng nhiều đến các phong trào yêu nước của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh hơn phong trào Minh

Tân ở Nam Kỳ diễn ra cùng thời gian. Vì vậy, khi giảng dạy về lịch sử Việt Nam thời kỳ cận đại cần nhận thức đúng về vị trí và vai trò của phong trào Minh Tân đối với lịch sử dân tộc nói chung, lịch sử Nam Kỳ nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chương Thân & Phan Văn Diên. (2019). *Hoạt động chống Pháp trong các xứ An Nam từ 1905 đến 1918*. TP. HCM: NXB Đại học Quốc gia.
- Đoàn Minh Huân & Nguyễn Ngọc Hà. (2017). *Vùng đất Nam Bộ từ năm 1859 đến năm 1945*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đỗ Quang Hưng. (2001). *Lịch sử báo chí Việt Nam 1865 - 1945*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Hoàng Xuân Việt. (2007). *Tìm hiểu lịch sử Chữ Quốc ngữ*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn Đức Hiệp. (2018). *Lịch sử doanh nghiệp và công nghiệp ở Sài Gòn và Nam Kỳ từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1945*. TP. HCM: NXB Tổng hợp TP. HCM.
- Nguyễn Đình Thống (2011). Một vài đặc điểm của phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ. *Tạp chí Trường Đại học Thủ Dầu Một*, số 2, 100 – 109.
- Ngô Minh Oanh. (2011). Sự du nhập giáo dục phương Tây vào Nam Kỳ Việt Nam thời thuộc Pháp (1861 - 1945). *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. HCM*, số 28 (62), 5/2011, 13 - 22.
- Nguyễn Khánh Toàn. (1985). *Lịch sử Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thế Anh. (2008). *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*. TP. HCM: NXB Văn học.
- Nguyễn Văn Trung. (2015). *Hồ sơ lục châu học, tìm hiểu con người ở vùng đất mới, dựa vào tài liệu văn, sử bằng Quốc ngữ ở miền Nam từ 1865 - 1930*. TP. HCM: NXB Trẻ.
- Nông cổ mín đàm*, 1/8/1901, số 1; 08/8/1901, số 2; 10/10/1901, số 11; 26/12/1901, số 21; 09/01/1902, số 23; 16/1/1902, số 24; 10/7/1902, số 46; 24/7/1902, số 48; 21/8/1902, số 52; 23/4/1903, số 86; 03/9/1903, số 105; 01/10/1903, số 109; 02/6/1904, số 143.
- Phạm Phúc Vĩnh. (2019). *Phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX*. TP. HCM: NXB Hồng Đức.
- Sơn Nam. (2015). *Phong trào Duy Tân ở Bắc Trung Nam, Miền Nam đầu thế kỷ XX, Thiên Địa hội & Cuộc Minh Tân*. TP. HCM: NXB Trẻ.
- Trần Thị Nhung. (2011). *Lịch sử vùng đất Nam Bộ: một số kết quả nghiên cứu*. Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Trần Văn Giàu & Trần Bạch Đằng. (1998). *Địa chí văn hóa TP. HCM, Lịch sử*, tập 1. TP. HCM: NXB Tổng hợp.
- Võ Văn Sen (2017). Phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX - Quá trình và đặc điểm. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 7, 43 – 54.